

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5455/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến  
do Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý năm 2024**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

*Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố năm 2024;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố tại Công văn số 12434/STMNT-VP ngày 22 tháng 11 năm 2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến**

Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên môi trường điện tử do Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý (*kèm theo phục lục*).

Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tham mưu thực hiện quy trình tổ chức xây dựng và giải pháp bảo đảm phương thức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Cụ thể:

- Rà soát, xây dựng Phương án đơn giản hóa quy trình, thời gian thực hiện, thành phần hồ sơ và các bộ phận cấu thành khác của thủ tục hành chính trên cơ sở đánh giá các nguồn dữ liệu đã có và mức độ sẵn sàng tích hợp, cung cấp thông tin trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Xác định giải pháp nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính; giải pháp định danh, mức độ bảo đảm an toàn của các phương thức xác thực điện tử; giải pháp tích hợp, chia sẻ, khai thác thông tin với các nguồn dữ liệu, dịch vụ công có liên quan và

các giải pháp kỹ thuật khác.

- Triển khai số hóa thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính, kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực, tái sử dụng cơ sở dữ liệu đã được số hóa, lưu trữ số, cung cấp kết quả điện tử khi giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

- Xây dựng quy trình điện tử, thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, tích hợp Cổng dịch vụ công quốc gia đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật về giao diện, truy cập, tương tác, kết nối, chia sẻ dữ liệu, lưu trữ, bảo mật theo quy định.

2. Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức:

Phối hợp chặt chẽ trong thực hiện đơn giản hóa quy trình thủ tục; xây dựng quy trình điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

3. Giao Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố tổ chức cấu hình, triển khai đầy đủ các thủ tục toàn trình, một phần được phê duyệt trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố tại địa chỉ <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn/>

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

### **Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

**Phụ lục**

**Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến  
do Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý năm 2024**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5455/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

| STT        | Tên thủ tục hành chính                                                                 | Cấp thực hiện |           |        | Dịch vụ công trực tuyến |          | Ghi chú                                            |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------|--------|-------------------------|----------|----------------------------------------------------|
|            |                                                                                        | Cấp Thành phố | Cấp Huyện | Cấp Xã | Toàn trình              | Một phần |                                                    |
| <b>I.</b>  | <b>Lĩnh vực Đo đạc và Bản đồ</b>                                                       |               |           |        |                         |          |                                                    |
| 1          | Cấp, bổ sung, gia hạn, cấp lại, cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ           | X             |           |        |                         | X        | Thay thế Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 |
| 2          | Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ                                 | X             |           |        | X                       |          |                                                    |
| <b>II.</b> | <b>Lĩnh vực Tài nguyên nước</b>                                                        |               |           |        |                         |          |                                                    |
| 3          | Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước | X             |           |        | X                       |          |                                                    |
| 4          | Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ                      | X             |           |        | X                       |          |                                                    |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                         | Cấp thực hiện |           |        | Dịch vụ công trực tuyến |          | Ghi chú                                                                                          |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------|--------|-------------------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                                                | Cấp Thành phố | Cấp Huyện | Cấp Xã | Toàn trình              | Một phần |                                                                                                  |
| 5   | Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất.                                                                                                                                        | X             |           |        | X                       |          |                                                                                                  |
| 6   | Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất                                                                                                                       | X             |           |        | X                       |          |                                                                                                  |
| 7   | Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền | X             |           |        | X                       |          |                                                                                                  |
| 8   | Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành                                                                                                                   | X             |           |        | X                       |          | Thay thế Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 và Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 27/5/2024. |
| 9   | Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm                                                                             | X             |           |        |                         | X        | Thay thế Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 và Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 27/5/2024. |
| 10  | Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm                                                             | X             |           |        |                         | X        |                                                                                                  |
| 11  | Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối                                                                                                                                                        | X             |           |        |                         | X        | Thay thế Quyết định số 2798/QĐ-                                                                  |

| STT         | Tên thủ tục hành chính                                                                                                           | Cấp thực hiện |           |        | Dịch vụ công trực tuyến |          | Ghi chú                                                                                          |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------|--------|-------------------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             |                                                                                                                                  | Cấp Thành phố | Cấp Huyện | Cấp Xã | Toàn trình              | Một phần |                                                                                                  |
|             | với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm                                                                  |               |           |        |                         |          | UBND ngày 07/7/2023.                                                                             |
| 12          | Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm | X             |           |        |                         | X        | Thay thế Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 07/7/2023.                                              |
| 13          | Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ                                                                    | X             |           |        |                         | X        | Thay thế Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 và Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 27/5/2024. |
| 14          | Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.                                          | X             |           |        |                         | X        | Thay thế Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 và Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 27/5/2024. |
| 15          | Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch                                                              | X             |           | X      |                         | X        |                                                                                                  |
| <b>III.</b> | <b>Lĩnh vực Biển và Hải đảo</b>                                                                                                  |               |           |        |                         |          |                                                                                                  |
| 16          | Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển                                                                                                   | X             |           |        |                         | X        |                                                                                                  |
| 17          | Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển                                                                                               | X             |           |        |                         | X        |                                                                                                  |
| 18          | Trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển                                                                                               | X             |           |        |                         | X        |                                                                                                  |
| 19          | Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở                                                                                           | X             |           |        |                         | X        |                                                                                                  |

| STT        | Tên thủ tục hành chính                                                                                                 | Cấp thực hiện |           |        | Dịch vụ công trực tuyến |          | Ghi chú                                                                                                        |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------|--------|-------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                                                                        | Cấp Thành phố | Cấp Huyện | Cấp Xã | Toàn trình              | Một phần |                                                                                                                |
|            | biển                                                                                                                   |               |           |        |                         |          |                                                                                                                |
| 20         | Cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển                                                                                     | X             |           |        |                         | X        |                                                                                                                |
| 21         | Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu | X             |           |        |                         | X        |                                                                                                                |
| 22         | Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử.                      | X             |           |        | X                       |          |                                                                                                                |
| <b>IV.</b> | <b>Lĩnh vực Môi trường</b>                                                                                             |               |           |        |                         |          |                                                                                                                |
| 23         | Cấp đổi giấy phép môi trường                                                                                           | X             | X         |        | X                       |          | Thay thế Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 và Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 27/5/2024                |
| 24         | Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường                                                                                    | X             | X         |        | X                       |          | Thay thế Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 và Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 27/5/2024                |
| 25         | Cấp Giấy phép môi trường                                                                                               | X             | X         |        |                         | X        | Thay thế Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 07/7/2023; Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 và Quyết định số |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                          | Cấp thực hiện |           |        | Dịch vụ công trực tuyến |          | Ghi chú                                                                                         |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------|--------|-------------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                 | Cấp Thành phố | Cấp Huyện | Cấp Xã | Toàn trình              | Một phần |                                                                                                 |
|     |                                                                                                                                 |               |           |        |                         |          | 1857/QĐ-UBND ngày 27/5/2024                                                                     |
| 26  | Cấp lại Giấy phép môi trường                                                                                                    | X             | X         |        |                         | X        | Thay thế Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 và Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 |
| 27  | Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường                                                                                  | X             |           |        |                         | X        | Thay thế Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 và Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 |
| 28  | Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản                                           | X             |           |        |                         | X        | Thay thế Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 và Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 |
| 29  | Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ. | X             |           |        |                         | X        | Thay thế Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 và Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 |
| 30  | Cấp giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học                                                                              | X             |           |        |                         | X        | Thay thế Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 và Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 |

| STT        | Tên thủ tục hành chính                                                       | Cấp thực hiện |           |        | Dịch vụ công trực tuyến |          | Ghi chú                                                                                         |
|------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------|--------|-------------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                              | Cấp Thành phố | Cấp Huyện | Cấp Xã | Toàn trình              | Một phần |                                                                                                 |
| 31         | Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường                                  |               |           | X      |                         | X        |                                                                                                 |
| 32         | Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích                      |               |           | X      |                         | X        |                                                                                                 |
| <b>V.</b>  | <b>Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường</b>                                     |               |           |        |                         |          |                                                                                                 |
| 33         | Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường             | X             |           |        | X                       |          |                                                                                                 |
| <b>VI.</b> | <b>Lĩnh vực đất đai</b>                                                      |               |           |        |                         |          |                                                                                                 |
| 34         | Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai                                          | X             |           |        | X                       |          | Thay thế Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 và Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 |
| 35         | Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý | X             |           |        | X                       |          |                                                                                                 |
| 36         | Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất                                            | X             | X         |        | X                       |          |                                                                                                 |

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**